

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ

Ths. Mai Quốc Dũng

NCS. Nguyễn Thị Thu Thoa

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM

Tóm tắt

Phụ nữ luôn thể hiện vai trò không thể thiếu trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: Từ sản xuất vật chất đến những sáng tạo mang giá trị tinh thần. Trong thời bình cũng như trong thời chiến, phụ nữ luôn là một lực lượng to lớn góp phần không nhỏ trong sự nghiệp cách mạng, đó là sự hi sinh thầm lặng nhưng rất đỗi tự hào. Tuy vậy, trong cuộc sống thân phận của người phụ nữ lại chịu nhiều bất công, tủi hờn. Bất công từ xã hội đến bất công ngay chính trong gia đình của mình. Để xóa bỏ bất công này thì việc tạo lập cho người phụ nữ có việc làm, thu nhập chính là một điều kiện tiên quyết. Trên cơ sở vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tiễn, trong những năm qua Đảng ta đã đưa ra quan điểm toàn diện về công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiến tới mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*.

1. Vai trò của phụ nữ trong sự phát triển của kinh tế, xã hội.

Trong lịch sử, phụ nữ luôn là một bộ phận quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Bằng lao động sáng tạo của mình, phụ nữ đã góp phần làm giàu cho xã hội, làm phong phú thêm cuộc sống con người. Phụ nữ luôn thể hiện vai trò không thể thiếu trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: Từ sản xuất vật chất đến những sáng tạo mang giá trị tinh thần và hơn thế phụ nữ có thiên chức là tái sản xuất ra bản thân con người để duy trì nòi giống. Yếu tố quyết định vị thế xã hội và gia đình của người phụ nữ chính là vai trò của họ với sự đóng góp thực sự to lớn cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước, người phụ nữ Việt Nam từ thế hệ này sang thế hệ khác, đã nối tiếp nhau, sánh vai cùng nam giới trong việc chống thiên tai, dịch họa, trong xây dựng tổ ấm gia đình hạnh phúc, góp phần xây dựng và củng cố đất nước, tạo dựng tình tương thân, tương ái trong cộng đồng xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế, phụ nữ là lực lượng quan trọng, đồng thời việc phụ nữ tham gia sản xuất còn là nhu cầu nguyện vọng thiết thân, là tiền đề đầu tiên để bình đẳng giới. Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá rất cao sự đóng góp to lớn của phụ nữ Việt Nam: *“Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”* (1). Cách mạng muốn thành công thì phải khơi dậy được sức mạnh của phụ nữ và phải xóa bỏ mọi rào cản hạn chế sự tham gia của họ. Xây dựng đất nước là một công việc hệ trọng vì thế đòi hỏi phải có sự quyết tâm và tham gia của tất cả mọi người trong đó có phụ nữ (một nửa của nhân loại). Vì vậy, bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế là điều kiện quyết định sự thành công của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trên thực tế phụ nữ vẫn chịu thiệt thòi so với nam giới về cơ hội có việc làm và thu nhập. Nhiều doanh nghiệp, khu công nghiệp tập trung, việc làm của lao động nữ thiếu ổn định, điều kiện lao động, điều kiện sống không được bảo đảm; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động chưa được thực hiện đầy đủ. Số phụ nữ nông thôn thiếu việc làm, di cư tự phát ra thành phố ngày càng tăng. Trong công việc tính chất và mức độ tham gia của nam và nữ không bình đẳng. Nếu như phụ nữ hầu hết đều làm công việc sinh đẻ,

chăm sóc, nuôi dưỡng, nội trợ, tiếp phẩm..., thì nam giới rất ít tham gia vào công việc đó. Công việc của nam giới thường được xem trọng hơn công việc của phụ nữ, cơ hội và điều kiện thăng tiến của nam giới bao giờ cũng tốt hơn phụ nữ.

2. Quan điểm của Đảng ta về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế

Từ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu của thực tiễn, Đảng ta đưa ra quan điểm: *Thực hiện bình đẳng giới trong sở hữu kinh tế, trong lợi ích kinh tế (quyền tự chủ, tự quyết định tham gia các hoạt động kinh tế) được đảm bảo các điều kiện tiến hành các hoạt động kinh tế, bình đẳng giới về việc làm, trong học nghề, đào tạo nghề; trong trả lương và thu nhập; về an toàn lao động và vệ sinh lao động; về bảo hiểm xã hội.* Quan điểm của Đảng được thể hiện qua nghị quyết Nghị quyết số 04/NQ-TW (12/7/1993), Chỉ thị 37-CT/TW (16/5/1994), Năm 2007, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW về *“Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”*. Chủ trương, quan điểm của Đảng được Nhà nước cụ thể hóa qua hiến pháp 1946, Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, đặc biệt là Hiến pháp 2013 và Bộ Luật lao động (sửa đổi bổ sung năm 2012), Luật bình đẳng giới (năm 2006)... đã là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu bình đẳng giới nói chung và bình đẳng trong kinh tế và việc làm nói riêng.

Nghị quyết số 04/NQ-TW (12/7/1993) khẳng định trong giải quyết việc làm cho phụ nữ, Đảng chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ tự tạo việc làm phù hợp điều kiện của chị em, để chị em vừa có việc làm nhưng đồng thời vẫn đảm bảo thực hiện tốt thiên chức làm mẹ *“Hướng chính để giải quyết việc làm là có cơ chế, chính sách để tạo những điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tự tạo việc làm”* (2). Chị em tự tạo việc làm, làm tăng tính chủ động cho phụ nữ trong tiếp cận việc việc làm và tạo việc làm giúp đỡ người khác. Để phụ nữ giúp đỡ nhau trong lao động và có thể tự vươn lên đòi hỏi *“các cấp chính quyền, các ngành kinh tế, các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm hỗ trợ vốn, giống, thông tin, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm... Nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, sử dụng hợp lý nguồn lao động nữ”*(3).

Đồng thời chính sách phải chú trọng tới giải quyết việc làm cho phụ nữ và tăng thu nhập cho họ *“trong chương trình tạo việc làm phải quan tâm giải quyết việc làm, tăng thu nhập đối với phụ nữ, tăng cường đào tạo mới, đào tạo lại, nâng cao tay nghề cho phụ nữ”*(4).

Với đặc thù tâm lý, sức khỏe của phụ nữ, để họ có thể vươn lên bằng nam giới, các cơ quan tổ chức phải *“chăm lo cải thiện điều kiện lao động, bố trí sử dụng lao động phù hợp với đặc điểm của phụ nữ, tích cực cải tiến công cụ, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giảm cường độ lao động cho phụ nữ, có chế độ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, nghỉ ngơi cho phụ nữ - Xây dựng và sửa đổi, hoàn chỉnh các pháp luật, chính sách xã hội có liên quan đến phụ nữ và lao động nữ. (Luật lao động, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, lao động nghĩa vụ công ích, chính sách đào tạo cán bộ nữ ...).* Khi xây dựng pháp luật, chính sách cần đặc biệt quan tâm đến tính chất đặc thù của lao động nữ là phụ nữ phải thực hiện cả hai chức năng lao động xã hội và lao động sinh đẻ, nuôi dạy con - Có chủ trương, chính sách

phù hợp đối với phụ nữ dân tộc ít người, phụ nữ tôn giáo, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật ...” (5).

Nhằm tăng cơ hội việc làm cho phụ nữ, chủ trương của Đảng là xây dựng “*chính sách khuyến khích đối với các ngành, các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ*” (6). Coi cơ cấu lao động nữ trong các ngành, các đơn vị là mục tiêu phấn đấu, thi đua.

Về công tác phụ nữ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006) chỉ rõ: “*Nâng cao trình độ mọi mặt về đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp*” (7). Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng X, ngày 27/4/2007 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011) tiếp tục khẳng định: “*Nâng cao mọi mặt đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình trong gia đình và xã hội; kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ*” (8).

Như vậy, quan điểm của Đảng về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế được thể hiện một cách toàn diện, tiếp cận từ tính đặc thù của phụ nữ, tạo điều kiện cho chị em vươn lên đến chính sách tạo việc làm. Với tính ưu biệt này, phụ nữ Việt Nam đã không ngừng vươn lên trở thành động lực to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước.

3. Pháp luật Việt Nam đảm bảo bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế

Cụ thể hóa quan điểm của Đảng, ngay từ khi giành được độc lập (1945) Nhà nước ta đã bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ trong hệ thống pháp luật. Hiến pháp năm 1946 khẳng định nguyên tắc bình đẳng nam nữ trên tất cả các lĩnh vực: “*Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện*” (Điều 9); “*Mọi công dân đều bình đẳng về quyền trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa*” (Điều 6)... Những quy định này đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng về địa vị pháp lý của phụ nữ Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, phụ nữ nước ta được pháp luật thừa nhận và bảo đảm có những quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực.

Quan điểm đó tiếp tục được kế thừa và phát triển phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại qua các lần sửa đổi Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013. Trong Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quan điểm này được khẳng định: Điều 63. “*Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội; chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ*

sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận của người mẹ". Các quy định của Hiến pháp năm 1992 là sự kế thừa những nguyên tắc tiên bộ của các bản Hiến pháp trước đây, đồng thời khẳng định lại những giá trị về nữ quyền đã được xác định và phát huy hơn một thập kỷ qua. Trong hiến pháp năm 2013 cũng tái khẳng định: *- Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26); Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi (Khoản 2 điều 35).*

Những tư tưởng tiên bộ về bình đẳng giới nói trên đã được cụ thể hóa bằng các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Trong kinh tế và việc làm, phụ nữ được đối xử công bằng, được tự do trong chọn nghề nghiệp và việc làm phù hợp với nhu cầu của bản thân *"Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp, học nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp, không bị phân biệt đối xử"* (Điều 5 Bộ Luật lao động). Pháp luật Việt Nam đảm bảo phụ nữ được đối xử bình đẳng với nam giới trong lao động: *"Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới; quy định chế độ lao động và chính sách xã hội nhằm bảo vệ lao động nữ."* (Điều 4, Bộ luật Lao động). Điều 8, Bộ luật Lao động quy định về các hành vi bị nghiêm cấm nêu rõ: *"Khoản 1. Phân biệt đối xử về giới tính"*.

Theo quy định tại khoản 3 điều 5 Luật bình đẳng giới : *"Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình..."*. Đồng thời *"Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động"*.

Trong kinh tế và việc làm, phụ nữ bình đẳng trong công việc và *"thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển"*. *"Người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau"* (Điều 90 bộ luật lao động).

Điều 13 của Luật bình đẳng giới cũng khẳng định: *"Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác"*.

Trong chính sách và quy định của pháp luật, đều có quy định quan tâm tới sự khác biệt giữa nam và nữ. Phụ nữ được đối xử bình đẳng với nam giới và được ưu tiên trong một số trường hợp khác như về dạy nghề và chế độ thai sản, nuôi con nhỏ. Về dạy nghề, Nghị định 02/2001/NĐ-CP ngày 9/01/2001 quy định: *Học viên nữ không phải bồi thường phí dạy nghề khi chấm dứt hợp đồng học nghề trong trường hợp có giấy chứng nhận của y tế cấp huyện trở lên về việc thực hiện hợp đồng học nghề sẽ bị ảnh hưởng xấu tới thai nhi; sau thời gian nghỉ thai sản, nếu có nguyện vọng và đủ điều kiện, thì được tiếp tục theo học.*

Quy định không được xử lý kỷ luật lao động, tại Nghị định 33/2003/NĐ-CP ngày 2/4/2003 và Nghị định 23/CP ngày 18 tháng 4 năm 1996 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều đối với lao động nữ cũng có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này tại điều 7 nghị

định như sau: *Lao động nữ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi có thai mà đang làm việc có ảnh hưởng tới thai nhi nhưng người sử dụng lao động không bố trí công việc thích hợp. Được nghỉ 60 phút/ ngày trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng, 30 phút/ ngày làm việc trong thời gian người lao động nữ hành kinh. Không phải làm thêm giờ, làm việc ban đêm và đi công tác xa hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Được chuyển làm công việc nhẹ nhàng khi đang mang thai từ tháng thứ 6 nếu đang làm công việc nặng nhọc. Được đảm bảo việc làm sau khi hết thời gian nghỉ thai sản; phụ nữ mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi không thuộc diện tinh giản biên chế, diện bị xử lý kỷ luật lao động. Có chế độ nghỉ nếu thai sản yếu hoặc sảy thai.*

Bình đẳng giới nói chung và bình đẳng giới trong kinh tế và việc làm nói riêng là một mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước ta và toàn xã hội đòi hỏi phải có quyết tâm cao và có các biện pháp khả thi và đồng bộ. Vấn đề này được cụ thể hoá thành các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, Theo khoản 6 điều 5 Luật bình đẳng giới: *"Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được".* Những biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới thường được thể hiện thông qua các quy phạm ưu tiên.

Nhà nước ưu tiên về thuế và các ưu đãi khác đối với các doanh nghiệp tạo điều kiện phát triển tỷ lệ lao động nữ thể hiện qua những quy định cụ thể như điều 12, Bộ luật lao động quy định: *"Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động nữ"*. Trong khoản 2 điều 12 Luật bình đẳng giới cũng quy định: *"Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật"*.

Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã thể hiện đầy đủ quan điểm về vấn đề bình đẳng giới trong hoạt động kinh tế, từ cơ sở đầu tiên là xác định vai trò, vị trí của nữ giới từ đó đề ra những chính sách giải quyết việc làm, tạo sự công bằng trong cơ hội cải thiện thu nhập và thay đổi địa vị của nữ giới. Đồng thời chính sách ưu đãi đặc thù đối với đặc điểm của phụ nữ, giúp họ có cơ hội đảm bảo vừa hoàn thành *"việc nước, việc nhà"*. Những chủ trương, chính sách đã đi vào cuộc sống và vị trí, vai trò của phụ nữ được từng bước cải thiện đã chứng minh cho sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nước ta.

Chú thích

- (1). Hồ Chí Minh toàn tập (1995), t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 204
- (2). Đảng Cộng sản Việt Nam, (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 53, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.20
- (3). Đảng Cộng sản Việt Nam, (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 53, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.21

- (4), (5). Đảng Cộng sản Việt Nam, (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập53, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.22
- (6). Ban thư ký Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1988), *Báo cáo tình hình phong trào phụ nữ và sự hoạt động của các cấp Hội năm 1988*, Lưu trữ trung ương Hội, Hà Nội, tr.377
- (7). Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.120
- (8). Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.50

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban thư ký Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1988), *Báo cáo tình hình phong trào phụ nữ và sự hoạt động của các cấp Hội năm 1988*, Lưu trữ trung ương Hội, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2007), Nghị quyết số 11NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007: *Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Lưu tại Kho Trung ương Đảng, Hà Nội.
3. *Bộ luật lao động* (2013), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập53, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh toàn tập (1995), t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. *Luật bình đẳng giới (2010)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Bùi Ngọc Thanh (2000), *Vấn đề giới và chính sách bảo hiểm xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Lê Thi (1999): *Việc làm, đời sống của phụ nữ trong chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Trần Thị Thu (2003): *Tạo việc làm cho lao động nữ trong thời kỳ Công nghiệp hoá-hiện đại hoá*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.